

Số: 104/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 129/2020TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1976

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1972

Đều địa chỉ: Khu G, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc L- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C (đại diện theo pháp luật).

3.2. Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 76, đường Q, Phường G, Thành phố V, Tỉnh Phú Thọ

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn X - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch hàng hàng C huyện C (đại diện theo uỷ quyền)

3.3. Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 1172 đại lộ H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Mạnh T - chức vụ: giám đốc phòng giao dịch C (Đại diện theo uỷ quyền).

3.4. Ngân hàng H Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số nhà 1959B, đường H, Phường G, Thành phố V, Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Huyền T, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch số 3 (Đại diện theo uỷ quyền).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 58, 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Việt A - sinh ngày 03/11/2003, Nguyễn Việt D - sinh ngày 22/7/2011, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Con chung Nguyễn Việt Hà- sinh ngày 20/10/2000 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2 Về tài sản chung và công sức: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên tự thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận, cụ thể như sau:

Chị Hà Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất theo hợp đồng tín dụng số 4205 ngày 26/12/2017 cho đến khi trả nợ xong.

+ Ngân hàng TMCP Bưu điện L - chi nhánh Phú Thọ số tiền thấu chi: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 2912019821 ngày 06/11/2019 cho đến khi trả nợ xong.

+ Ngân hàng H Việt Nam - chi nhánh Phú Thọ số tiền dư nợ gốc: 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) và lãi xuất theo khế ước số TDCD 200011 ngày 26/01/2018 cho đến khi trả nợ xong.

Anh Nguyễn Tuấn H có nghĩa vụ trả nợ:

+ Ngân hàng TMCP Bưu điện L- chi nhánh Phú Thọ số tiền dư nợ: 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo hợp đồng tín dụng số 76182016/HDDTD/CNPHUTHO ngày 31/3/2016 cho đến khi trả nợ xong.

+ Ngân hàng hợp tác xã- chi nhánh Phú Thọ số tiền dư nợ gốc: 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi xuất theo khế ước số TDCD 1100010 ngày 17/8/2016 cho đến khi trả nợ xong.

+ Ngân hàng C Việt Nam- chi nhánh Phú Thọ số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất cho đến khi trả nợ xong.

Anh Nguyễn Tuấn H không phải thanh toán chênh lệch về việc trả nợ cho chị Hà Thị Đ do chị Đ không yêu cầu.

Đến thời hạn trả nợ, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Hà Thị Đ tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đảm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003463 ngày 29/5/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị Đ được hoàn trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Cẩm Khê;
- THADS Cẩm Khê.
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Ninh Thị Hồng